

Số: 893 /TB-TTBVTV-KT

Đồng Nai, ngày 07 tháng 11 năm 2018

THÔNG BÁO

Tình hình sinh vật gây hại 7 ngày

(Từ ngày 01/11 – 07/11/2018)

I. TÌNH HÌNH THỜI TIẾT VÀ SINH TRƯỞNG CỦA CÂY TRỒNG

1. Thời tiết trong tuần

- Nhiệt độ: Trung bình: 26,6 – 27,7°C; Cao nhất: 35,0°C; Thấp nhất: 19,6°C.

- Ẩm độ: Trung bình: 71 – 80%; Thấp nhất: 55%.

- Tổng số giờ nắng: 86 – 103 giờ. Lượng mưa: 5 – 44 mm.

Thời tiết: Mây thay đổi đến nhiều mây, ngày nắng gián đoạn, chiều tối có mưa rải rác, có nơi mưa vừa.

Các loại cây trồng sinh trưởng và phát triển bình thường.

2. Cây trồng và giai đoạn sinh trưởng

Cây lúa: Xuống giống 21.808 ha/25.233 ha. Lúa đang ở các giai đoạn: đẻ nhánh (4.002 ha), đòng (9.276 ha), trổ (8.216 ha), chín (314).

Các giống chủ yếu là: OM 7347, OM 4900, VD 20, MTL 110, Đài thom 8, ...

Cây trồng khác

Cây trồng	Giai đoạn sinh trưởng	Diện tích (ha)
Bắp	Loa kèn, trổ cờ	15.385/17.709
Rau các loại	Các giai đoạn	4.705
Cây có múi	Các giai đoạn	8.320
Chôm chôm	Các giai đoạn	10.693
Xoài	Ra bông, trái	12.266
Chuối	Các giai đoạn	7.239
Sầu riêng	Ra lộc	4.167
Tiêu	Nuôi trái	19.022
Điều	Ra lộc	37.802
Cao su	Khai thác	51.272
Cà phê	Nuôi trái	15.278
Khoai mì	Phát triển củ	10.826

II. NHẬN XÉT TÌNH HÌNH SINH VẬT HẠI (SVH) 7 NGÀY QUA

1. Trên cây lúa: Các SVH chủ yếu là bệnh đạo ôn lá DTN 846 ha tăng 92 ha, ốc bươu vàng (OBV) DTN 630 ha tăng 98 ha, bệnh bạc lá DTN 280 ha tăng 59 ha, bệnh vàng lùn, lùn xoắn lá DTN 30 ha trên địa bàn huyện Long Thành, không thay đổi so với kỳ trước.

2. Cây trồng khác

- Cây bắp, rau màu: DTN các SVH ở mức nhẹ.
- Cây ăn quả:
 - + Cây có múi: Sâu vẽ bùa DTN 258 tăng 17 ha, nhện nhỏ 246 ha tăng 69 ha.
 - + Sầu riêng: Bệnh xì mù DTN 475 ha tăng 35 ha, bệnh nấm hồng DTN 232 ha tăng 9 ha, bệnh cháy lá chết đọt DTN 353 tăng 11 ha.
 - + Xoài: Bệnh thán thư DTN 479 ha tăng 9 ha, sâu đục thân DTN 100 ha.
- Cây công nghiệp:
 - + Cây hồ tiêu: Bệnh thán thư DTN 958 ha giảm 6 ha, bệnh chết chậm DTN 957 ha giảm 9 ha, bệnh tuyến trùng DTN 282 ha.
 - + Cây điều: Sâu đục thân, cành DTN 474 ha giảm 26 ha, bệnh thán thư DTN 373 ha tăng 30 ha, bệnh nấm hồng DTN 186 ha tăng 65 ha, bọ xít muỗi DTN 88 ha tăng 5 ha.
- + Cây mì:
 - Bọ phấn DTN 369 ha giảm 50 ha; bệnh khảm lá virus DTN 312, ha giảm 7,8 ha; bệnh vi khuẩn DTN 48 ha giảm 304 ha; đốm nâu 230 ha tăng 30 ha.

III. DỰ KIẾN TÌNH HÌNH SINH VẬT GÂY HẠI TRONG THỜI GIAN TỚI

Với điều kiện thời tiết và giai đoạn sinh trưởng của các loại cây trồng trong kỳ, cần chú ý các đối tượng SVH sau:

- Cây lúa: Rầy nâu, VL – LXL, bệnh bạc lá (cháy bìa), đạo ôn, lem lép hạt, chuột.
- Cây rau: Sâu tơ, bệnh đốm vàng, bệnh sương mai, bệnh thối nhũn.
- Cây ăn quả: Bệnh xì mù, bệnh nấm hồng (sầu riêng); bệnh cháy gôm, sâu vẽ bùa (cây có múi); bệnh thán thư, sâu đục thân, cành (xoài).
- Cây công nghiệp: Bệnh thán thư, tuyến trùng, bệnh chết nhanh, chết chậm (hồ tiêu); bệnh nấm hồng, bệnh thán thư (điều); bệnh xì mù, nấm hồng (cao su); bọ phấn, bệnh khảm lá, thán thư, đốm nâu (mì).

IV. ĐỀ NGHỊ BIỆN PHÁP XỬ LÝ

Khuyến cáo nông dân áp dụng quy trình kỹ thuật trồng và chăm sóc phù hợp từng giai đoạn phát triển của cây, thường xuyên thăm đồng phát hiện kịp thời các SVH, xử lý kịp thời.

- Cây lúa: Chú ý theo dõi diễn biến các đối tượng sâu bệnh trên lúa để có biện pháp phòng chống kịp thời. Tăng cường theo dõi diễn biến rầy nâu và kiểm tra tỉ lệ rầy mang mầm bệnh trên các trà lúa nhằm hạn chế rầy nâu di trú truyền virus gây bệnh vàng lùn, lùn xoắn lá.

- Cây mè: Tăng cường điều tra, phát hiện diện tích nhiễm bệnh khảm lá. Tiến hành phun thuốc trừ bọ phấn trắng trên cây mè và khoanh vùng diện tích bị nhiễm tiêu hủy tránh lây lan sang diện rộng. Thực hiện tốt công văn số 3646/SNN-TTBVTV, ngày 01/10/2018 về việc triển khai chỉ đạo của UBND tỉnh về thực hiện Chỉ thị số 5957/CT-BNN-BVTV về việc tăng cường công tác phòng chống bệnh khảm lá virus hại sắn.

- Tuyên truyền, tập huấn cho nông dân cách nhận biết và các biện pháp phòng chống bệnh theo quy trình của Cục BVTV nhằm hạn chế gia tăng diện tích, tỷ lệ sâu bệnh hại trên cây trồng,

Các trạm Trồng trọt và BVTV huyện tiếp tục thực hiện thông báo về dự tính, dự báo sâu bệnh hại trên các loại cây trồng; tuyên truyền, hướng dẫn các biện pháp phòng chống sâu bệnh tổng hợp cho nông dân, báo cáo về Chi cục để xem xét chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- Trung tâm BVTV phía Nam (Email);
- Sở NN và PTNT (Báo cáo);
- Chi cục trưởng và các Phó Chi cục trưởng (Email);
- Các trạm Trồng trọt và BVTV (Email);
- Phòng quản trị mạng (đăng trang web);
- Lưu: VT, KT.

CHI CỤC TRƯỞNG



Trần Lâm Sinh



DIỆN TÍCH, MẬT ĐỘ, TỶ LỆ VÀ PHÂN BỐ MỘT SỐ SINH VẬT GÂY HẠI CHÍNH (Từ ngày 01/11 đến ngày 07/11/2018)

Cây trồng	Tên SVGH	GDST	Mật độ/Tỷ lệ		Diện tích nhiễm (ha)				Mất trắng	Số kỳ trước (+/-)	Số CKNT (+/-)	DT P. trừ	Phân bố
			Phổ biến	Cao	Nhẹ	TB	Nặng	Tổng					
Cây có múi	Sâu vẽ bùa	Ra lộc	3 - 10		257	1	0	258	0	17.0	111.0	77	Định Quán, Xuân Lộc, Tân Phú, TX Long Khánh, Trảng Bom
	Nhện nhỏ	Các giai đoạn	5 - 10		246	0	0	246	0	69.0	224.0	315	Định Quán, Vĩnh Cửu, Tân Phú
	Rệp sáp	Các giai đoạn	7		30	0	0	30	0	5.0	30.0	200	Vĩnh Cửu
	Ruồi đục quả	Nuôi quả	2 - 3		25	0	0	25	0	0.0	25.0	5	TX Long Khánh
Chôm chôm	Bệnh cháy mép lá	Chăm sóc	4 - 15		114	2	0	116	0	6.0	75.0	9	Cẩm Mỹ, Trảng Bom, Thống Nhất
Chuối	Bệnh đốm lá VK	Các giai đoạn	9 - 10		99	5	0	104	0	10.0	47.0	18	Trảng Bom, Thống Nhất
	Bệnh châm đen quả	Các giai đoạn	3		23	0	0	23	0	23.0	23.0	20	Thống Nhất
Mít	Bệnh thối quả	Nuôi trái	5		25	0	0	25	0	0.0	25.0	0	TX Long Khánh
Nhãn	Bệnh chồi rồng nhãn	Chăm sóc	7		40	0	0	40	0	0.0	5.0	10	Xuân Lộc
Sầu riêng	Bệnh cháy gân	Các giai đoạn	5 - 10		475	0	0	475	0	35.0	163.0	171	Cẩm Mỹ, Tân Phú, TX Long Khánh, Thống Nhất
	Bệnh cháy lá, chết đọt	Các giai đoạn	4 - 10		353	0	0	353	0	11.0	164.0	104	Cẩm Mỹ, Xuân Lộc, Thống Nhất, TX Long Khánh, Long Thành
	Bệnh nám hồng	Các giai đoạn	10 - 15		232	0	0	232	0	9.0	112.0	82	Cẩm Mỹ, Tân Phú, TX Long Khánh
	Bệnh thối góc	Chăm sóc	7		90	0	0	90	0	0.0	90.0	80	Xuân Lộc
Thanh Long	Bệnh đốm nâu	Các giai đoạn	2 - 10	15	77	9	4	90	0	0.0	-57.0	30	Trảng Bom, Xuân Lộc
	Ốc sên	Các giai đoạn	2 - 3		90	0	0	90	0	0.0	90.0	30	Xuân Lộc
Xoài	Bệnh thán thư	Ra hoa	7		479	0	0	479	0	9.0	-136.0	50	Định Quán, Xuân Lộc

	Sâu đục thân	Ra hoa	10		100	0	0	100	0	0.0	100.0	20	Xuân Lộc
Ca cao	Bọ xít muỗi	Ra lộc	6 - 10		22	1	0	23	0	-1.0	14.0	16	Thông Nhất, Trảng Bom
	Bệnh muội đen	Nuôi trái	9		16	0	0	16	0	2.0	16.0	13	Thông Nhất
Cà phê	Bệnh gỉ sắt	Các giai đoạn	15 - 20		661	7	0	668	0	-57.0	-28.0	29	Cầm Mỹ, Định Quán, Trảng Bom, Tân Phú
	Bệnh đốm mắt cua	Các giai đoạn	15		448	2	0	450	0	1.0	182.0	0	Cầm Mỹ, Trảng Bom
	Bệnh khô cành	Các giai đoạn-các giai đoạn-Các giai đoạn-Nuôi trái	5 - 13		425	3	0	428	0	23.0	128.0	0	Cầm Mỹ, Định Quán, Xuân Lộc, Trảng Bom, TX Long Khánh
	Rệp sáp	Nuôi trái	10 - 15		265	1	0	266	0	-2.0	20.0	39	Xuân Lộc, Cầm Mỹ, Tân Phú, TX Long Khánh, Trảng Bom
	Bệnh nám hồng	Các giai đoạn	15		129	0	0	129	0	-13.0	50.0	0	Cầm Mỹ, Định Quán
Cao su	Bệnh phấn trắng	Các giai đoạn	13		474	0	0	474	0	4.0	206.0	0	Cầm Mỹ, Trảng Bom
	Bệnh nám hồng	Các giai đoạn	5 - 20		359	1	0	360	0	192.0	102.0	190	Tân Phú, Cầm Mỹ, TX Long Khánh, Trảng Bom
Điều	Sâu đục thân, cành	Các giai đoạn	3 - 8		471	3	0	474	0	-26.0	197.0	25	Cầm Mỹ, Định Quán, Trảng Bom, Thông Nhất, Tân Phú
	Bệnh thán thư	Ra lá non	5 - 10		368	5	0	373	0	30.0	7.0	56	Xuân Lộc, Trảng Bom, Long Thành, Tân Phú
	Bệnh nám hồng	Ra lá non	15 - 16		186	0	0	186	0	65.0	-117.0	63	Cầm Mỹ, Tân Phú
	Bọ xít muỗi	Đọt non-bông	5 - 7		81	7	0	88	0	5.0	-310.0	16	Trảng Bom, Thông Nhất
Hồ tiêu	Bệnh thán thư	Các giai đoạn	4 - 15		956	2	0	958	0	-6.0	188.0	149	Cầm Mỹ, Xuân Lộc, Trảng Bom, Thông Nhất, Tân Phú
	Bệnh chết chậm	Các giai đoạn	3 - 8	15	834	22	101	957	0	-9.0	225.0	398	Cầm Mỹ, Xuân Lộc, Trảng Bom, TX Long Khánh, Tân Phú, Thông Nhất, Định Quán
	Rệp sáp	Các giai đoạn	5 - 13	15	943	2	9	954	0	48.0	447.0	342	Xuân Lộc, Cầm Mỹ, Trảng Bom, Định Quán, Tân Phú, TX Long Khánh
	Bệnh tuyến	Các giai đoạn	4 - 8	20	247	31	4	282	0	0.0	-176.0	107	Trảng Bom, TX Long Khánh,

	trùng												Thông Nhất
	Bệnh chết nhanh	Các giai đoạn	2 - 5	7 - 15	170	4	4	178	0	23.0	-220.0	67	Cầm Mỹ, Thông Nhất, Trảng Bom, Tân Phú, Xuân Lộc, TX Long Khánh
Mía	Sâu đục thân	Vuron lóng	3	5	48	0	0	48	0	8.0	8.0	17	Nhon Trạch, Trảng Bom
	Bệnh rỉ sắt	Các giai đoạn	15		34	4	0	38	0	5.0	-5.0	0	Trảng Bom
	Rệp sáp	Các giai đoạn	10		14	2	0	16	0	4.0	0.0	0	Trảng Bom
Sắn (Mì)	Bọ phấn	Các giai đoạn	5		369	0	0	369	0	-50.0	369.0	0	Long Thành
	Khảm lá virus	Các giai đoạn	3 - 50	20 - 80	36,53	101	174,5	312,03	0	-7.8	312.0	0,7	Vĩnh Cửu, Định Quán, Trảng Bom, Long Thành
	Đốm nâu	Nuôi củ	10		230	0	0	230	0	30.0	19.0	0	Long Thành
	Bệnh vi khuẩn	Nuôi củ	5 - 10		47	1	0	48	0	-304.0	-362.0	0	Long Thành, Trảng Bom
Ngô (Bắp)	Sâu đục thân, bắp	Loa kèn	3 - 10		46	0	0	46	0	19.0	-22.0	13	Cầm Mỹ, Thông Nhất, Định Quán
	Rệp ngô	Các giai đoạn	15		37	2	0	39	0	0.0	-1.0	0	Cầm Mỹ, Trảng Bom
	Đốm lá nhỏ		15		32	0	0	32	0	9.0	-52.0	0	Cầm Mỹ
Lúa	Bệnh đạo ôn lá	Đòng-trở-chín	4 - 15		839	7	0	846	0	92.0	-91.0	345	Định Quán, Tân Phú, Xuân Lộc, TX Long Khánh, Nhon Trạch, Trảng Bom, Thông Nhất, Cầm Mỹ, Long Thành
	Ốc bươu vàng	Đẻ nhánh	1 - 5	15 - 20	596	4	30	630	0	98.0	331.0	248	Xuân Lộc, Trảng Bom, Tân Phú, TX Long Khánh
	Bệnh bạc lá (cháy bìa)	Đẻ nhánh-đòng-trở	5 - 10		280	0	0	280	0	59.0	-443.0	216	Tân Phú, Xuân Lộc, TX Long Khánh, Long Thành
	Chuột	Đẻ nhánh-đòng-trở	4 - 5		156	0	0	156	0	9.0	-60.0	90	Định Quán, Nhon Trạch, Long Thành, Tân Phú, Trảng Bom
	Bệnh đen lép hạt (lem lép)	Đòng-trở-chín	10		63	0	0	63	0	63.0	55.0	63	Tân Phú
	Sâu cuốn lá nhỏ	Đẻ nhánh, làm đòng	1 - 20		62	0	0	62	0	23.0	-15.0	20	Nhon Trạch, Tân Phú, Cầm Mỹ
	Bệnh vàng lá chín sớm	Đẻ nhánh-đòng	10		55	0	0	55	0	44.0	46.0	0	Long Thành, Cầm Mỹ
	Bọ trĩ (bù lạch)	Đẻ nhánh-đòng	10		46	0	0	46	0	28.0	-29.0	6	Nhon Trạch, Cầm Mỹ
	Bệnh khô vằn	Đẻ nhánh-đòng	10		36	4	0	40	0	7.0	-187.0	0	Trảng Bom, Cầm Mỹ

	Bệnh VL,LXL	Đề nhánh-đồng	5	20	20	0	10	30	0	0.0	30.0	30	Long Thành
	Rầy nâu	Đề nhánh-đồng-trở	10		21	0	0	21	0	2.0	0.0	0	Trảng Bom
Bầu bí	Bọ trĩ	Các giai đoạn	15		4	0	0	4	0	-1.0	-5.0	4	Nhon Trạch
	Ruồi đục quả	Các giai đoạn	10	15	3	0	0	3	0	0.0	-3.0	3	Nhon Trạch
Dưa chuột (dưa leo)	Bệnh giả sương mai	Các giai đoạn	5 - 10	20	12	1	0	13	0	-1.0	13.0	1	Trảng Bom, Nhon Trạch
	Ruồi đục quả	Các giai đoạn	5 - 7	6	5	0,5	0	5,5	0	0.5	-5.5	3	Nhon Trạch, Trảng Bom
Mướp đắng (khổ qua)	Bệnh đốm vàng	Các giai đoạn	15		16	2	0	18	0	1.0	-4.0	0	Trảng Bom
	Ruồi đục quả	Các giai đoạn	5 - 10	15	6	0,5	0	6,5	0	-0.5	-8.5	3	Trảng Bom, Nhon Trạch
Rau cải ăn lá	Bọ nhậy	Các giai đoạn	3 - 10		21	1	0	22	0	2.0	-11.0	12	Tân Phú, Định Quán, Trảng Bom, Nhon Trạch
	Sâu xanh bướm trắng	Các giai đoạn	5 - 6		9	0	0	9	0	1.0	0.0	12	Vĩnh Cửu, Nhon Trạch